

Số: 31/2021/QĐST-HNGĐ

Mỏ Cày Bắc, ngày 26 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2021/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh Trần Trung T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. Chị Phan Kim T, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi hòa giải đoàn tụ không thành, chị Phan Kim T và anh Trần Trung T thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Phan Kim T trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quang D, sinh ngày 10/12/2007 (phù hợp với nguyện vọng của cháu D tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên đề ngày 18/10/2021), hiện D đang sống chung với chị T, anh Trần Trung T không phải cấp dưỡng nuôi cháu D do chị T không có yêu cầu; cháu Trần Quang K, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không đề cập.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Trần Trung T và chị Phan Kim T thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh Trần Trung T và chị Phan Kim T thỏa thuận mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Trung T và chị Phan Kim T.

- Về con chung: Chị Phan Kim T trực tiếp nuôi con chung tên Trần Quang D, sinh ngày 10/12/2007 (phù hợp với nguyện vọng của cháu D tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên đề ngày 18/10/2021), hiện D đang sống chung với chị T, anh Trần Trung T không phải cấp dưỡng nuôi cháu D do chị T không có yêu cầu; cháu Trần Quang K, sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không đề cập.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Trần Trung T và chị Phan Kim T thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Trung T và chị Phan Kim T tự nguyện chịu nên mỗi người phải nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí các số 0002279, 0002280 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên anh, chị không còn phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA) (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (01b);
- UBND xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày (nay là huyện Mỏ Cày Bắc), tỉnh Bến Tre, số 25, quyền số 1, ngày 24/3/2004 (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu: HS, VP. (02b)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Nhớ

